TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 666/2024/HC-PT
Ngày: 24 - 12 - 2024
V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Phan Thị Vân Hương;
Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;
Bà Lê Thị Thúy Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 450/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2024 về "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13905/2024/QĐPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1962;

- Bà Phan Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số E đường L, tiểu khu N, thị trấn N, tỉnh H; Đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1986 (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2024). Địa chỉ: Căn hộ B, Tòa nhà H L, H, H, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Ngô Mạnh H1, Luật sư, Công ty L1. Địa chỉ: Căn hộ B, Tòa A N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh H. Vắng mặt (Có văn bản đề

nghị xét xử vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M;

2.3. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh H.

Địa chỉ trụ sở: Tiểu khu D, thị trấn N, huyện M, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trình bày của người khởi kiện ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị D tại Tòa án có nội dung:

Gia đình ông bà đã khai hoang phục hoá và sử dụng ngay tình, ổn định, không có tranh chấp thửa đất số 19a, 40a, tờ bản đồ số 14, diện tích 1145,7 m^2 tại tiểu khu N, thị trấn N, huyện M, tỉnh H từ tháng 5/2023 đến nay. Ngày 17/4/2023, ông bà đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 2 thửa đất nêu trên.

Ngày 09/6/2023, ông bà nhận được thông báo hồ sơ của ông bà bị trả lại theo Công văn số: 571/UBND-ĐCXD ngày 27/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N về việc trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công văn có nêu: Thửa đất số 19a, 40a, tờ bản đồ 14… có nguồn gốc đất là Nông trường quốc doanh M1. Ông bà cho rằng lý do Ủy bản nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị trấn Nông trường M trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng thực tế, nên đã có đơn khiếu nại (lần đầu).

Ngày 10/8/2023, UBND thị trấn N tổ chức họp đối thoại giải quyết khiếu nại lần đầu đối với gia đình ông bà. Tại cuộc học UBND thị trấn N đã mang ra các biên bản xác minh và bản đồ kèm theo Quyết định số: 543/QĐ-UBND ngày 19/11/1992 để làm căn cứ giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, một số biên bản xác minh của tổ xác minh và bản đồ đều có dấu hiệu tẩy xoá, giả mạo. Ông bà đã có ý kiến chỉ ra các điều đó và được ghi vào biên bản cuộc họp đối thoại.

Ngày 11/8/2023, Chủ tịch UBND thị trấn N ban hành Quyết định số: 198/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu (Không chấp nhận khiếu nại đối với Công văn số: 571/UBND-ĐCXD ngày 27/5/2023).

Ông bà tiếp tục làm đơn khiếu nại lần hai gửi Chủ tịch UBND huyện M. Ngày 11/12/2023 Chủ tịch UBND huyện M ban Quyết định số: 3612/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 trong đó có nêu "…*Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số: 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phan Thị H*.."

Không nhất trí với các Quyết định trên, ngày 08/4/2024 ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh H.

- Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định số: 3612/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H;

- Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định số: 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ

tịch UBND thị trấn N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phan Thị H;

- Huỷ bỏ toàn bộ Công văn số: 571/UBND-ĐCXD ngày 27/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N, Ủy ban nhân dân huyện M tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng đất đúng thực tế, hiện trạng và tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông bà theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H đưa ra căn cứ khởi kiện.

- Chủ tịch UBND huyện M vi phạm trình tự, thủ tục khi giải quyết khiếu nại lần hai, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 15 Luật khiếu nại, Nghị định quy định chi tiết thi hành luật khiếu nại.

- Tiến hành xác minh và đánh giá kết quả xác minh thiếu khách quan, sai sự thật trước khi ban hành Quyết định số: 3612/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện M.

- Chủ tịch UBND huyện M gian dối, thiếu minh bạch khi xác minh và kết luận.

- Chủ tịch UBND huyện M, không tiến hành đối chất khi có mâu thuẫn giữa lời khai, lời chứng của các cá nhân về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

- Chủ tịch UBND huyện M bỏ sót tài liệu, không làm rõ những kết luận thiếu căn cứ tại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Chủ tịch UBND thị trấn N chỉ đạo xác minh nguồn gốc đất không đúng thực tế sử dụng đất, có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật. Căn cứ vào sổ mục kê, bản đồ địa chính được lập không đúng trình tự, thủ tục, không đúng hiện trạng sử dụng đất và mục đích lập bản đồ. Không đủ cơ sở kết luận thửa 19a, 40 tờ bản đồ 14 thuộc đất của Công ty sữa bò M, có dấu hiệu giả mạo hồ sơ. Quyết định số 198/QĐ-UBND căn cứ vào biên bản xác minh sai quy định về biểu mẫu quy định tại Nghị định của Chính phủ, thiếu cơ sở pháp lý và các lời khai không có minh chứng, thiếu logic.

Ngày 14/8/2024, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện:

- Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định 3612/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H. Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phan Thị H. Công văn số 571/UBND-ĐCXD ngày 27/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N, xác định nguồn gốc sử dụng đất từ năm 1993 cho ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H theo hiện trạng sử dụng đất mà nguyên đơn đã kê khai.

Tại Công văn số: 710/UBND-VP ngày 20/5/2024 người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn N và Ủy ban nhân dân thị trấn N có ý kiến đối với nội dung khởi

kiện của ông Đỗ Văn N bà Phan Thị H như sau:

Ngày 20/4/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn N nhận được được công văn số: 198/CNVPĐK ngày 19/4/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M; về việc phối hợp trong công tác kiểm tra xác minh hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bà Phan Thị H, ông Đỗ Văn N.

Ngày 27/4/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn N ban hành công văn số: 571/UBND-ĐCXD về việc; trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công dân với 02 nội dung đã được xác minh gồm:

Bà Phan Thị H, ông Đỗ Văn N không cung cấp được các giấy tờ liên quan chứng minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất từ năm 1993; Không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Đối với 10 giấy xác nhận nội dung nguồn gốc đất do các hộ tại tiểu khu N ký xác nhận được bà Phan Thị H cung cấp không có cơ sở để khẳng định thửa đất số 19a, 40, tờ bản đồ số 14, là do hộ bà Phan Thị H, ông Đỗ Văn N sử dụng từ năm 1993 do các giấy tờ xác nhận về ngồn gốc đất do hộ gia đình ông Đỗ Văn N đánh máy sẵn và mang đến cho các hộ ký nên không đảm bảo khách quan. Kết quả kiểm tra xác minh của Uỷ ban nhân dân thị trấn có 08/10 cá nhân xác nhận không được đọc các nội dung tại giấy xác nhận mà chỉ được nghe ông Đỗ Văn N trao đổi bằng miệng và ký tên không đọc nội dung trên giấy xác nhận, 02/10 hộ cá nhân có đọc nội dung tuy nhiên tại biên bản làm việc với tổ xác minh nội dung khiếu nại 02 cá nhân xác nhận là nội dung trong giấy xác nhận nguồn gốc đất không chính xác, đã đính chính lại "thửa đất trên của bà Phan Thị H có nguồn gốc từ Nông Lâm Trường M".

Đối chiếu với Quyết định số: 543/QĐ-UBND ngày 19/11/1992 thửa đất số 19a, 40, tờ bản đồ số 14 là đất của Nông trường Quốc doanh M2.

Như vậy, thửa đất 19a, 40, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại tiểu khu N, thị trấn N có nguồn gốc là đất Nông trường Quốc doanh M2 không phải có nguồn gốc là đất khai hoang như trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Đỗ Văn N bà Phan Thị H.

Không nhất trí với nội dung của Công văn số: 571/UBND-ĐCXD ngày 27/4/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, ngày 22/6/2023 bà Phan Thị H có đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND thị trấn N.

Quá trình xác minh nội dung khiếu nại và đối thoại ngày 10/8/2023 đối với khiếu nại của ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 có nội dung: "*Không chấp nhận nội dung khiếu nại cả bà Phan Thị H, khiếu nại Công văn số: 571/UBND-ĐCXD ngày 27/4/2023 của UBND thị trấn N về việc xác minh nguồn gốc sử dụng đất thửa 19a, 40, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại tiểu khu N, thị trấn N, huyện M, tỉnh H.*

Thửa đất 19a, 40 tờ bản đồ 14, địa chỉ thửa đất tại tiểu khu Nhà Nghỉ thị trấn Nông trường M có nguồn gốc là đất Nông trương Quốc doanh M3 không

phải có nguồn gốc như trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Phan Thị H".

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, Ủy ban nhân dân thị trấn N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại công văn số: 2319/UBND -TTr ngày 24/5/2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh H trình bày:

Ngày 26/9/2023, Ủy ban nhân dân huyện M nhận được đơn khiếu nại lần hai của ông Đỗ Văn N bà Phan Thị H khiếu nại Quyết định số: 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N. Sau khi nhận được khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện M đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại đối với các nội dung sau:

Xác minh việc UBND thị trấn N tổ chức xác định nguồn gốc thửa đất số 19a, tờ 14; thửa số 40a, tờ 14; địa chỉ: thửa đất tại tiểu khu N, thị trấn N, huyện M, tỉnh H và quá trình sử dụng đất đối với 2 thửa đất nêu trên của hộ gia đình ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H: Qua kết quả xác minh việc quy chủ trên sổ mục kê, bản đồ địa chính được thành lập năm 1999-2000 có sự nhầm lẫn về thông tin chủ sử dụng đất; theo bản đồ Nông trường M I kèm theo Quyết định số: 543/QĐ-UBND ngày 19/01/1992 của UBND tỉnh S vị trí thửa đất số 19a, thửa số 40 tờ bản đồ số 14 của hộ gia đình ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H thuộc khu đất của N M I trồng cây hoa mầu; về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; Qua làm việc với các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và căn cứ hồ sơ tài liệu tổ xác minh được cung cấp cho thấy sự mâu thuẫn giữa nguồn gốc kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông bà Nghĩa H2 và ý kiến của các hộ gia đình cá nhân.

Xác minh căn cứ để đối chiếu, xác định vị trí thửa đất số 19a, thửa số 40a, tờ 14 với các bản đồ: Sơ đồ thửa đất số 19a, thửa đất số 40a, tờ bản đồ số 14 của hộ gia đình ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có một phần diện tích thuộc diện tích UBND tỉnh S thu hồi của Công ty Cổ phần G giao cho UBND huyện M quản lý, sử dụng theo quy hoạch. Việc sử dụng bản đồ hiện trạng khu dân cư T, thị trấn N năm 1998 được Tổ xác minh sử dụng để làm một phần căn cứ về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, tài liệu đối chiếu tham khảo tại buổi đối thoại với người khiếu nại ngày 10/8/2023 không sử dụng làm căn cứ giải quyết nội dung khiếu nại (lần đầu) vì vậy không có căn cứ cho rằng UBND thị trấn N có dấu hiệu làm giả hồ sơ.

Quá trình xác minh với Tiểu khu trưởng tiểu khu N và các hộ gia đình giáp ranh, sử dụng đất cùng thời điểm với hộ gia đình ông bà Huệ Nghĩa về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H. Căn cứ pháp lý của M biên bản xác minh Ủy ban nhân dân thị trấn N sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M đề nghị công nhận và giữ nguyên Quyết định số: 3612/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giả quyết khiếu nại lần hai đối với ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H; Quyết định số: 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N về việc giải quyết

khiếu nại lần đầu đối với bà Phan Thị H; Công văn số: 571/UBND-ĐCXD ngày 27/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N. Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N, Ủy ban nhân dân huyện M tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng đất đúng thực tế, hiện trạng và tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N bà H theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã Quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 , diểm a khoản 3 Điều 116, khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29; Điều 31, Điều 33, Điều 34, Điều 36, Điều 40 Luật Khiếu nại; Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Nghị định số: 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H về việc:

- Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định số: 3612/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H. Huỷ bỏ toàn bộ Quyết định số: 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phan Thị H. Huỷ bỏ toàn bộ Công văn số: 571/UBND-ĐCXD ngày 27/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn N.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N, xác định nguồn gốc sử dụng đất từ năm 1993 cho ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H theo hiện trạng sử dụng đất mà nguyên đơn đã kê khai.

2. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí hình sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H, trả lại cho ông Đỗ Văn N 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000022 ngày 14/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Ngoài ra, bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2024, ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo, trình bày căn cứ kháng cáo về nội dung, cho rằng các thửa đất của ông N bà H đang sử dụng đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nguồn gốc sử

dụng ổn định từ trước năm 1993. Do vậy, UBND thị trấn N trả hồ sơ xin cấp GCN cũng như Chủ tịch UBND thị trấn N và Chủ tịch UBND huyện M trả lời các nội dung khiếu nại của ông N, bà H đều không đúng quy định và không có căn cứ pháp luật.

Luật sư Ngô Mạnh H1 trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện với nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét các tài liệu chứng cứ của người khởi kiện đưa ra đã đảm bảo quy định về việc sử dụng đất ổn định và đủ điều kiện cấp GCNQSD theo quy định của Luật đất đai; ngoài ra cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất, xác định thiếu người tham gia tố tụng,... là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông N, bà H, hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã được thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, sau khi phân tích, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng về nội dung, không có vi phạm tố tụng. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Ngày 17/4/2023, hộ gia đình ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H nộp hồ sơ tại UBND thị trấn N, huyện M, tỉnh H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất đang sử dụng (thửa số 19a và thửa 40a tờ bản đồ số 14 thị trấn N).

Ngày 27/5/2023, Chủ tịch UBND thị trấn N ban hành Công văn số 571/UBND-ĐCXD ngày 27/5/2023 về việc trả lại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, bà H.

Ngày 22/6/2023, bà Phan Thị H khiếu nại việc trả lại hồ sơ theo công văn số 571/UBND-ĐCXD ngày 27/6/2023 nêu trên.

Ngày 11/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị H.

Ngày 13/9/2023, bà Phan Thị H, ông Đỗ Văn N có đơn khiếu nại Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 nêu trên đến Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh H.

Ngày 11/12/2023, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số: 3612/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai của ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H.

Ngày 08/4/2024, ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H có đơn khởi kiện vụ án hành chính.

Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính; Điều 204 Luật Đất đai 2013; đã xác định đúng và đầy đủ người tham gia tố tụng.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N, bà Phan Thị H :

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền:

Theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. Do xác định hồ sơ chưa bảo đảm nên UBND thị trấn N có công văn số 571/UBND-ĐCXD ngày 27/5/2023 trả hồ sơ là đúng thẩm quyền.

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại và biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số: 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (số 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai (Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 11/12/2023) đều đảm bảo đúng thẩm quyền. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

[2.2] Xét tính hợp pháp có căn cứ về nội dung việc trả hồ sơ và việc giải quyết khiếu nại của ông N, bà H:

[2.2.1] Đối với Công văn số 571/UBND-DCXD ngày 27/5/2023 của UBND thị trấn N (02 nội dung để trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H):

Người khởi kiện cho rằng 2 thửa đất (liền kề nhau) đang sử dụng là thửa 19a và thửa 40a, tờ bản đồ 14 đều có nguồn gốc do khai hoang từ tháng 5/1993, đã sử dụng ổn định không có tranh chấp; không phải đất của nông trường Mộc C nên đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất (lần đầu). Tuy nhiên, ông bà không đưa ra được bất cứ giấy tờ về quyền sử dụng đất (quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013) cũng như giấy tờ chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất từ năm 1993 mà chỉ nộp 10 giấy xác nhận (có cùng nội dung được đánh máy) có chữ ký của 10 hộ đang sinh sống tại tiểu khu N.

Trong khi đó: Theo Sổ mục kê lập năm 1999-2000 thể hiện thửa đất số 9, tờ bản đồ 14 chủ sử dụng đất là bà Bùi Thị H3, thửa số 40 chủ sử dụng đất là ông Lường Văn T (Hoàng Trường T1). Còn theo Kết quả xác minh ông Vũ Duy C1 (tiểu khu trưởng Tiểu khu N) và bà Hoàng Thị T2 (chị gái ông Hoàng Trường T1), bà Ngần Thị D1 (hộ giáp ranh), bà Nguyễn Thị N1, bà Đỗ Thị D2 có sự khác nhau về ngồn gốc sử dụng đất và nội dung kê khai của hộ gia đình.

Như vậy, hồ sơ xin cấp GCN của hộ gia đình không đảm bảo quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND thị trấn N có văn bản trả lại hồ sơ là đúng quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của

Chính phủ, quy định Khoản 11 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT hướng dẫn thi hành.

[2.2.2] Quyết định giải quyết khiếu nại số 198/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M:

Kết quả xác minh nội dung khiếu nại và làm việc với bà H, ông N, cho thấy:

Bà Phan Thị H, ông Đỗ Văn N cũng không cung cấp được giấy tờ gì về ngồn gốc, quá trình sử dụng đất từ năm 1993; Không có giấy tờ nào chứng minh quyền sử dụng đất và quá trình sử dụng đất theo Điều 100 Luật đất đai 2013.

Về 10 *giấy xác nhận* của 10 người tại tiểu khu N đều là các bản được gia đình ông N bà H đánh máy sẵn cùng nội dung và đưa cho các hộ gia đình ký xác nhận. Qua xác minh những người này thì có 08 người khai không đọc nội dung trên giấy nhưng đã ký, 02 người xác nhận đính chính lại là thửa đất trên của bà Phan Thị H có nguồn gốc từ Nông Lâm Trường M.

Đối chiếu Bản đồ Nông trường Mộc Châu I theo Quyết định 543/QĐ-UBND ngày 19/11/1992 của UBND tỉnh S (do Nông trường cung cấp cho UBND khi giải quyết khiếu nại) đã thể hiện vị trí 2 thửa đất ông N bà H kê khai thuộc khu đất của N Mộc Châu I.

Như vậy, không đủ cơ sở xác định thửa đất số 19a, 40, tờ bản đồ số 14 là của hộ gia đình ông N bà H khai phá đất hoang.

Chủ tịch UBND thị trấn N trả lời khiếu nại lần đầu là có căn cứ.

[2.2.3] Về Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện M:

Nội dung khiếu nại đối với việc xác định nguồn gốc 2 thửa đất là do ông N bà H khai phá sử dụng ổn định từ năm 1993. Chủ tịch UBND huyện M đã làm việc với UBND thị trấn và xác minh nguồn gốc đất.

Ông Hoàng Trường T1 xác nhận khoảng năm 1996 đến năm 1997 ông có mượn lại mảnh đất nhà ông, bà Hùng L (thuộc đất Nông trường M I giao cho gia đình ông, bà Hùng L trồng cây lâu năm); đến khi ông bà H1 Lánh trả lại đất cho Nông trường (năm 2006 -2007) thì ông T1 chuyển nhượng ngôi nhà 02 gian cấp IV cho ông Đỗ Văn N tại vị trí thửa đất số 19 thửa đất số 40; tờ bản đồ số 14.

Ngoài ra, hộ ông N bà H ký tên trong các biên bản làm việc của Công ty Cổ phần G về việc giải quyết hộ Phan Thị H (N) tự ý xây dựng lán trại trên đất nhận khoán nông nghiệp.

Đối chiếu, xác định vị trí thửa đất số 19a, tờ 14, thửa đất số 40a, tờ 14 với các bản đồ theo Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 19/11/1992 của UBND tỉnh S, bản đồ theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 19/4/2015 của UBND tỉnh S thì một phần diện tích của thửa 19a và thửa 40a, tờ bản đồ 14 thuộc phần diện tích UBND tỉnh S đã thu hồi của Công ty Cổ phần G giao cho UBND huyện M quản lý sử dụng theo quy hoạch. Đối với việc sử dụng bản đồ hiện trạng khu dân cư Tiểu khu G thị trấn N được tổ xác minh sử dụng làm một phần căn cứ về hồ sơ các thời kỳ, tài liệu đối chiếu tham khảo, không sử dụng làm căn cứ giải quyết nội

dung khiếu nại. Kết quả xác minh cũng cho thấy không có căn cứ cho rằng UBND thị trấn N có dấu hiệu giả mạo hồ sơ.

Nội dung xác minh việc UBND thị trấn N đã tổ chức xác minh đối với các hộ gia đình cá nhân xác nhận về nguồn gốc sử dụng và quá trình sử dụng đất đối với hộ gia đình ông N, bà H: Các biên bản đều được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4, Điều 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Mẫu biên bản của tổ xác minh nội dung khiếu nại theo đúng mẫu theo Điều 25 Nghị định số 124/2020CP ngày 19/10/2020 cua chính phủ có điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp trong quá trình xác minh tuy nhiên các nội dung điều chỉnh không thay đổi bản chất nội dung xác minh hay làm thay đổi đến kết quả kiểm tra, xác minh với các cá nhân của Tổ xác minh. Trong quá trình xác minh làm việc có sự tham gia làm việc của ông Vũ Duy C1 - Tiểu khu trưởng Tiểu khu Nhà nghỉ thị trấn N tiến hành làm việc cùng với tổ xác minh và 10 hộ gia đình ký xác nhận tình trạng đất cho ông N bà H việc kiểm tra xác minh đảm bảo, công khai minh bạch.

Với lý do nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện yêu cầu Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh H là đúng.

[2.3] Các nội dung khởi kiện của người khởi kiện nêu trên không được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thị trấn N tiến hành xác minh nguồn gốc sử dụng đất đúng thực tế, hiện trạng và tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N bà H là đúng.

[3] Ông N, bà H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ tài liệu chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/12/2024.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

Phan Thị Vân Hương